UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lâm Đồng, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

# LỊCH GIẢNG DẠY KHOA ĐIỀU DƯỠNG - KTYH 1 (LỚP CĐ KT PHCN)

(THÁNG 11 HKI NĂM HỌC 2026 - 2027)

**Tuần 10 (Từ ngày 02/11/2026 đến ngày 08/11/2026)**

| TT | MÔN HỌC | | GIẢNG VIÊN | THỨ HAI 02/11/2026 | | THỨ BA 03/11/2026 | | THỨ TƯ 04/11/2026 | | THỨ NĂM 05/11/2026 | | THỨ SÁU 06/11/2026 | | THỨ BẢY 07/11/2026 | | CHỦ NHẬT 08/11/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 7A01** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục Chính trị (Ghép CĐ KTXN 7A01) | 5 - 0 | NTT.TRANG | | | | | P4 | 1 - 4 LT11 | | | PTH2 | 1 - 4 LT12 | | | | |
| 2 | Giáo dục thể chất 7A01 | 0 - 2 | NĐ.NGUYÊN | Sân trường | 1 - 3 TH15 | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Giải phẫu - Sinh lý - Bệnh học 1 | 2 - 1 | ĐTH.NHUNG LTH.MINH | P4 | 5 - 7 TH4 | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Môi trường - Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe | 2 - 0 | ĐT.NGUYỆT | | | | | | | P6 | 5 - 6 LT8 (H) | | | | | | |
| 6 | Sinh lý hóa và VSKS - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm | 3 - 0 | NTT.KIỆT LTK.DIỄM TN.KHÔI | | | P6 Thầy Khôi | 5 - 8 LT5 (BÙ) | | | P6 Thầy Khôi | 1 - 4 LT6 (BÙ) | PTH2 Thầy Khôi | 5 - 7 LT7 (H) (BÙ) | | | | |
| 7 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Chào cờ | | | HT1 | 7:00 | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Sinh hoạt lớp | | | | | | | | | | 10h30 | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 7A02** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục Chính trị (Ghép CĐ KTXN 7A01) | 5 - 0 | NTT.TRANG | | | | | P4 | 1 - 4 LT11 | | | PTH2 | 1 - 3 LT12 | | | | |
| | Giáo dục thể chất 7A02 | 0 - 2 | NĐ.NGUYÊN | | | | | Sân trường | 5 - 7 TH15 | | | | | | | | |
| 3 | Giải phẫu - Sinh lý - Bệnh học 1 | 2 - 1 | ĐTH.NHUNG LTH.MINH | P4 | 5 - 7 TH4 | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Môi trường - Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe | 2 - 0 | ĐT.NGUYỆT | | | | | | | P6 | 5 - 6 LT8 (H) | | | | | | |
| 6 | Sinh lý hóa và VSKS - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm | 3 - 0 | NTT.KIỆT LTK.DIỄM TN.KHÔI | | | P6 Thầy Khôi | 5 - 8 LT5 (BÙ) | | | P6 Thầy Khôi | 1 - 4 LT6 (BÙ) | PTH2 Thầy Khôi | 5 - 7 LT7 (H) (BÙ) | | | | |
| 7 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Chào cờ | | | HT1 | 7:00 | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Sinh hoạt lớp | | | | | | | | | | 10h30 | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 6** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Pháp luật (Ghép CĐ KTXN 6) | 2 - 0 | TLQ.TRINH | P4 | 1 - 4 LT1 | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 1 - 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Y đức – Tâm lý người bệnh - Quản lý y tế | 3 - 0 | LTK.DIỄM | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | TTBV Điều dưỡng cơ bản | 0 - 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh | 2 - 1 | HPT.PHỤNG | P9 | 5 - 7 TH6 | | | | | | | P9 | 5 - 7 TH7 | | | | |
| 6 | Xoa bóp trị liệu (Nhóm 1) | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH5 | | | | | | | | |
| | Xoa bóp trị liệu (Nhóm 2) | | LCQ.ANH | | | | | | | PTH3 | 1 - 3 TH6 | | | | | | |
| 7 | Chào cờ | | | HT1 | 7:00 | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Sinh hoạt lớp | | | | | | | | | | 10h30 | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 5** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phục hồi chức năng chỉnh hình | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | PTH3 | 1 - 3 TH6 | | | | | PTH3 | 1 - 3 TH7 | | | | |
| 2 | Dụng cụ trị liệu | 2 - 1 | LCQ.ANH | PTH3 | 1 - 3 TH3 | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH4 | | | | | | |
| 3 | TTBV II | 0 - 4 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Phục hồi chức năng hệ tim mạch và hệ hô hấp | 1 - 1 | LCQ.ANH | PTH3 | 5 - 7 TH7 | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Phục hồi chức năng bệnh ngoại khoa | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 1 - 3 TH6 | | | | | | | | |
| 6 | Phục hồi chức năng bệnh thần kinh cơ | 2 - 1 | LCQ.ANH | | | PTH3 | 5 - 7 TH2 | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH3 | | | | |
| 7 | Xoa bóp trị liệu (Ghép nhóm 1 lớp CĐ KTPHCN 6) (HỌC LẠI) | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH5 | | | | | | | | |
| 8 | Chào cờ | | | HT1 | 7:00 | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Sinh hoạt lớp | | | | | | 10h30 | | | | | | | | | | |

## Tuần 11 (Từ ngày 09/11/2026 đến ngày 15/11/2026)

| TT | MÔN HỌC | GIẢNG VIÊN | THỨ HAI 09/11/2026 | | THỨ BA 10/11/2026 | | THỨ TƯ 11/11/2026 | | THỨ NĂM 12/11/2026 | | THỨ SÁU 13/11/2026 | | THỨ BẢY 14/11/2026 | | CHỦ NHẬT 15/11/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 7A01** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục Chính trị (Ghép CĐ KTXN 7A01) | 5 - 0 | NTT.TRANG | | | | P6 | 1 - 4 LT13 | | | P6 | 1 - 3 LT14 | | | | |
| 2 | Giáo dục thể chất 7A01 | 0 - 2 | NĐ.NGUYÊN | Sân trường | 1 - 3 TH16 | | | | | | | | | | | |
| 3 | Giải phẫu - Sinh lý - Bệnh học 1 | 2 - 1 | ĐTH.NHUNG LTH.MINH | | | P4 | 1- 3 TH5 | | P6 | 5 - 7 TH6 | | | | | | |
| 4 | Môi trường - Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe | 2 - 0 | ĐT.NGUYỆT | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Sinh lý hóa và VSKS - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm | 3 - 0 | NTT.KIỆT LTK.DIỄM TN.KHÔI | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | | | | | | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 7A02** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục Chính trị (Ghép CĐ KTXN 7A01) | 5 - 0 | NTT.TRANG | | | | P6 | 1 - 4 LT13 | | | P6 | 1 - 3 LT14 | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giáo dục thể chất 7A02 | 0 - 2 | NĐ.NGUYÊN | Sân trường | 5 - 7 TH16 | | | Sân trường | 5 - 7 TH17 | | | | | | | | | |
| 3 | Giải phẫu - Sinh lý - Bệnh học 1 | 2 - 1 | ĐTH.NHUNG LTH.MINH | | | P4 | 1- 3 TH5 | | | P6 | 5 - 7 TH6 | | | | | | | |
| 4 | Môi trường - Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe | 2 - 0 | ĐT.NGUYỆT | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Sinh lý hóa và VSKS - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm | 3 - 0 | NTT.KIỆT LTK.DIỄM TN.KHÔI | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 6** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Pháp luật (Ghép CĐ KTXN 6) | 2 - 0 | TLQ.TRINH | P4 | 1 - 4 LT2 | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 1 - 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Y đức – Tâm lý người bệnh - Quản lý y tế | 3 - 0 | LTK.DIỄM | | | | | | | THI | CA4 | | | | | | | |
| 4 | TTBV Điều dưỡng cơ bản | 0 - 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh | 2 - 1 | HPT.PHỤNG | | | P9 | 1 - 3 TH8 | | | | | P9 | 5 - 7 TH9 | | | | | |
| 6 | Xoa bóp trị liệu (Nhóm 1) | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH6 | | | | | | | | | |
| | Xoa bóp trị liệu (Nhóm 2) | | LCQ.ANH | | | | | | | | | PTH3 | 1 - 3 TH7 | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 5** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phục hồi chức năng chỉnh hình | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | PTH3 | 1 - 3 TH8 | | | PTH3 | 1 - 3 TH9 | | | | | | | |
| 2 | Dụng cụ trị liệu | 2 - 1 | LCQ.ANH | PTH3 | 1 - 3 TH5 | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH6 | | | | | | | |
| 3 | TTBV II | 0 - 4 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Phục hồi chức năng hệ tim mạch và hệ hô hấp | 1 - 1 | LCQ.ANH | PTH3 | 5 - 7 TH8 | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Phục hồi chức năng bệnh ngoại khoa | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 1 - 3 TH7 | | | | | | | | | |
| 6 | Phục hồi chức năng bệnh thần kinh cơ | 2 - 1 | LCQ.ANH | | | PTH3 | 5 - 7 TH4 | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH5 | | | | | |
| 7 | Xoa bóp trị liệu (Ghép nhóm 1 lớp CĐ KTPHCN 6) (HỌC LẠI) | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH6 | | | | | | | | | |
| 8 | Y đức – Tâm lý người bệnh - Quản lý y tế | 3 - 0 | LTK.DIỄM | | | | | | | THI | CA4 | | | | | | | |

## Tuần 12 (Từ ngày 16/11/2026 đến ngày 22/11/2026)

| TT | MÔN HỌC | GIẢNG VIÊN | THỨ HAI 16/11/2026 | | THỨ BA 17/11/2026 | | THỨ TƯ 18/11/2026 | | THỨ NĂM 19/11/2026 | | THỨ SÁU 20/11/2026 | | THỨ BẢY 21/11/2026 | | CHỦ NHẬT 22/11/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 7A01** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục Chính trị (Ghép CĐ KTXN 7A01) | 5 - 0 | NTT.TRANG | | | | P4 | 1 - 4 LT15 | | | | | P6 | 5 - 8 LT16 | | |
| 2 | Giáo dục thể chất 7A01 | 0 - 2 | NĐ.NGUYÊN | | | | Sân trường | 5 - 7 TH17 | | | | | Sân trường | 1 - 3 TH18 | | |
| 3 | Giải phẫu - Sinh lý - Bệnh học 1 | 2 - 1 | ĐTH.NHUNG LTH.MINH | P9 | 1 - 3 TH5 | P9 | 1 - 3 TH6 | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Môi trường - Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe | 2 - 0 | ĐT.NGUYỆT | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Sinh lý hóa và VSKS - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm | 3 - 0 | NTT.KIỆT<br>LTK.DIỄM<br>TN.KHÔI | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 7A02** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục Chính trị (Ghép CĐ KTXN 7A01) | 5 - 0 | NTT.TRANG | | | | | P4 | 1 - 4<br>LT15 | | | | | P6 | 5 - 8<br>LT16 | | |
| | Giáo dục thể chất 7A02 | 0 - 2 | NĐ.NGUYÊN | Sân trường | 5 - 7<br>TH18 | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Giải phẫu - Sinh lý - Bệnh học 1 | 2 - 1 | ĐTH.NHUNG<br>LTH.MINH | P9 | 1 - 3<br>TH5 | P9 | 1 - 3<br>TH6 | | | | | | | | | | |
| 4 | Môi trường - Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe | 2 - 0 | ĐT.NGUYỆT | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Sinh lý hóa và VSKS - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm | 3 - 0 | NTT.KIỆT<br>LTK.DIỄM<br>TN.KHÔI | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 6** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Pháp luật (Ghép CĐ KTXN 6) | 2 - 0 | TLQ.TRINH | P4 | 1 - 4<br>LT3 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 1 - 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Y đức – Tâm lý người bệnh - Quản lý y tế | 3 - 0 | LTK.DIỄM | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | TTBV Điều dưỡng cơ bản | 0 - 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh | 2 - 1 | HPT.PHỤNG | P9 | 5 - 7<br>TH10<br>(H) | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Xoa bóp trị liệu (Nhóm 1) | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 5 - 7<br>TH7 | | | | | | | | |
| | Xoa bóp trị liệu (Nhóm 2) | | LCQ.ANH | | | | | | | PTH3 | 1 - 3<br>TH8 | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 5** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phục hồi chức năng chỉnh hình | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | PTH3 | 1 - 3<br>TH10<br>(H) | | | | | | | | | | |
| 2 | Dụng cụ trị liệu | 2 - 1 | LCQ.ANH | PTH3 | 1 - 3<br>TH7 | | | | | PTH3 | 5 - 7<br>TH8 | | | | | | |
| 3 | TTBV II | 0 - 4 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Phục hồi chức năng hệ tim mạch và hệ hô hấp | 1 - 1 | LCQ.ANH | PTH3 | 5 - 7<br>TH9 | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Phục hồi chức năng bệnh ngoại khoa | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 1 - 3<br>TH8 | | | | | | | | |
| 6 | Phục hồi chức năng bệnh thần kinh cơ | 2 - 1 | LCQ.ANH | | | PTH3 | 5 - 7<br>TH6 | | | | | | | | | | |
| 7 | Xoa bóp trị liệu (Ghép nhóm 1 lớp CĐ KTPHCN 6) (HỌC LẠI) | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 5 - 7<br>TH7 | | | | | | | | |

| Tuần 13 (Từ ngày 23/11/2026 đến ngày 29/11/2026) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| TT | MÔN HỌC | | GIẢNG VIÊN | THỨ HAI 23/11/2026 | | THỨ BA 24/11/2026 | | THỨ TƯ 25/11/2026 | | THỨ NĂM 26/11/2026 | | THỨ SÁU 27/11/2026 | | THỨ BẢY 28/11/2026 | | CHỦ NHẬT 29/11/2026 | |
| | | | | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT | PHÒNG | TIẾT |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 7A01** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục Chính trị (Ghép CĐ KTXN 7A01) | 5 - 0 | NTT.TRANG | | | | | P4 | 5 - 8 LT17 | | | P4 | 5 - 8 LT18 | | | | | | |
| 2 | Giáo dục thể chất 7A01 | 0 - 2 | NĐ.NGUYÊN | | | | | Sân trường | 1 - 3 TH19 | | | | | | | | | | |
| 3 | Giải phẫu - Sinh lý - Bệnh học 1 | 2 - 1 | ĐTH.NHUNG LTH.MINH | P9 | 1 - 3 TH7 | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Môi trường - Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe | 2 - 0 | ĐT.NGUYỆT | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Sinh lý hóa và VSKS - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm | 3 - 0 | NTT.KIỆT LTK.DIỄM TN.KHÔI | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe (Ghép lớp CĐ KTPHCN7A02, KTXNYH7) | 1 - 1 | LTK.DIỄM | | | | | | | | | PTH2 | 1 - 3 B1 | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 7A02** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giáo dục Chính trị (Ghép CĐ KTXN 7A01) | 5 - 0 | NTT.TRANG | | | | | P4 | 5 - 8 LT17 | | | P4 | 5 - 8 LT18 | | | | | | |
| | Giáo dục thể chất 7A02 | 0 - 2 | NĐ.NGUYÊN | Sân trường | 5 - 7 TH19 | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Giải phẫu - Sinh lý - Bệnh học 1 | 2 - 1 | ĐTH.NHUNG LTH.MINH | P9 | 1 - 3 TH7 | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Môi trường - Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe | 2 - 0 | ĐT.NGUYỆT | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Sinh lý hóa và VSKS - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm | 3 - 0 | NTT.KIỆT LTK.DIỄM TN.KHÔI | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe (Ghép lớp CĐ KTPHCN7A01, KTXNYH7) | 1 - 1 | LTK.DIỄM | | | | | | | | | PTH2 | 1 - 3 B1 | | | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 6** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Pháp luật (Ghép CĐ KTXN 6) | 2 - 0 | TLQ.TRINH | P4 | 1 - 4 LT4 | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 1 - 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Y đức – Tâm lý người bệnh - Quản lý y tế | 3 - 0 | LTK.DIỄM | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | TTBV Điều dưỡng cơ bản | 0 - 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh | 2 - 1 | HPT.PHỤNG | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Xoa bóp trị liệu (Nhóm 1) | 1 - 1 | NTT.LOAN | PTH3 | 5 - 7 TH8 | | | | | | | | | | | | |
| | Xoa bóp trị liệu (Nhóm 2) | | LCQ.ANH | | | | | | | PTH3 | 1 - 3 TH9 | | | | | | |
| 8 | Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe (Ghép lớp CĐ KTPHCN7A01,2, KTXNYH7) (HỌC LẠI) | 1 - 1 | LTK.DIỄM | | | | | | | | | PTH2 | 1 - 3 B1 | | | | |
| **LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 5** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phục hồi chức năng chỉnh hình | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dụng cụ trị liệu | 2 - 1 | LCQ.ANH | PTH3 | 1 - 3 TH9 | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH10 (H) | | | | | | |
| 3 | TTBV II | 0 - 4 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Phục hồi chức năng hệ tim mạch và hệ hô hấp | 1 - 1 | LCQ.ANH | | | | | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH10 (H) | | | | |
| 5 | Phục hồi chức năng bệnh ngoại khoa | 1 - 1 | NTT.LOAN | | | | | PTH3 | 1 - 3 TH9 | | | PTH3 | 1 - 3 TH10 (H) | | | | |
| 6 | Phục hồi chức năng bệnh thần kinh cơ | 2 - 1 | LCQ.ANH | | | | | PTH3 | 5 - 7 TH7 | | | | | | | | |
| 7 | Xoa bóp trị liệu (Ghép nhóm 1 lớp CĐ KTPHCN 6) (HỌC LẠI) | 1 - 1 | NTT.LOAN | PTH3 | 5 - 7 TH8 | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

**KT. HIỆU TRƯỞNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Tới**